

# Xây dựng hệ thống bài tập phát triển năng lực đọc hiểu văn bản cho học sinh lớp 2, huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

Trần Thị Kim Hoa\*, Nguyễn Thị Thỏa\*\*

\*Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

\*\*Học viên Cao học K29, Khoa Giáo dục Tiểu học, Trường Đại học Sư phạm Thái Nguyên

Received: 24/9/2023; Accepted: 28/9/2023; Published: 7/10/2023

**Abstract:** Reading is a language activity of the Vietnamese program in elementary schools, ensuring each individual develops well in learning, working and communicating. Reading comprehension is the goal of all reading activities. Sticking to the capacity development goal of the General Education Program in Literature, we propose a system of reading comprehension exercises to develop reading capacity for 2nd grade ethnic minority students.

**Keywords:** Competency, reading comprehension, Vietnamese subject, exercises

## 1. Mở đầu

Đọc hiểu (ĐH) là đích đến của mọi hoạt động đọc. Đó là sự giải mã tín hiệu ngôn ngữ, là hành trình khám phá các bình diện nghĩa sự vật và liên cá nhân trong văn bản, là sự hồi đáp tác phẩm về nội dung phản ánh lẫn hình thức nghệ thuật. Phát triển năng lực ĐH cho học sinh (HS) người dân tộc thiểu số (DTTS) có ý nghĩa quan trọng trong hành trình đổi mới căn bản toàn diện giáo dục phổ thông ở nước ta hiện nay. Tuy nhiên, đối với HS là con em đồng bào dân tộc thiểu số, do những hạn chế về ngôn ngữ, về khả năng tiếp cận thông tin, việc tổ chức hoạt động dạy học ĐH còn nhiều khó khăn. Bài viết tìm hiểu thực trạng năng lực ĐH văn bản của HS lớp 2 ở một số trường tiểu học huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai, từ đó đề xuất xây dựng hệ thống bài tập ĐH cho HS lớp 2 để nâng cao năng lực ĐH văn bản cho HS.

## 2. Kết quả nghiên cứu

### 2.1. Đọc hiểu và năng lực ĐH văn bản

Tác giả Nguyễn Thị Hạnh cho rằng: “ĐH là hoạt động giao tiếp ở đó người đọc lĩnh hội lời nói đã được viết thành văn bản nhằm làm thay đổi những hiểu biết, tình cảm hoặc hành vi của chính mình” [1]. Như vậy, ĐH là hình thức đọc có ý thức, đó là khả năng thông hiểu những gì mình được đọc. ĐH là tiếp nhận, khi ĐH, mục đích của người đọc là làm rõ nghĩa các kí tự, làm rõ nội dung và đích thông báo của văn bản.

### 2.2. Bài tập ĐH tiếng Việt

Ở trường tiểu học, dạy tiếng Việt là tổ chức hoạt động lời nói. Đối với HS, có thể xem giải bài tập tiếng Việt là hình thức hoạt động chủ yếu.

Bài tập tiếng Việt chính là đích đến của hoạt động sau đọc, đồng thời cũng là những phương tiện để đạt được sự thông hiểu văn bản của HS. Để xây dựng bài tập ĐH phù hợp cần xuất phát từ việc quan tâm đến thể hiện năng lực ĐH của HS như thế nào ở các bối cảnh, tình huống phức hợp và thực tiễn. Muốn vậy, phải thiết kế hệ thống bài tập ĐH nhằm thực hiện đến mức thành thục những kĩ năng sử dụng tiếng Việt cho HS.

### 2.3. Thực trạng dạy học ĐH cho HS lớp 2 ở một số trường tiểu học tại huyện Bắc Hà, tỉnh Lào Cai

#### 2.3.1. Năng lực tổ chức dạy học ĐH theo hướng phát triển năng lực người học của GV

Chúng tôi tiến hành khảo sát 32 GV về nhận thức, phương pháp dạy học và biện pháp nâng cao chất lượng rèn luyện ĐH cho HS lớp 2. Kết quả thu được như sau:

Khoảng 93,64% GV đã nắm được vai trò của việc DH cho HS. Xuất phát từ thực tế dạy học, GV cho rằng NL ĐH của HS chỉ đạt mức trung bình (45,27%) và kém (32,42%). Các GV cho rằng tuy không nhiều nhưng một số HS hoàn toàn có thể thực hiện hoạt động ĐH đạt chuẩn khá, giỏi, tương đương với HS người Kinh có học lực tốt trong lớp. Những HS này khá tự tin, chịu khó học hỏi, chủ động tìm hiểu bài đọc. Tìm hiểu về nguyên nhân dẫn đến những hạn chế trong NL ĐH của HS, 36,84% GV cho rằng do khả năng tư duy, chú ý, trí nhớ chưa tốt, các em không tập trung theo dõi bài, có 26,32% GV cho rằng do hệ thống câu hỏi SGK chưa phân hóa rõ rệt, chưa chú ý đến đối tượng HS DTTS, HS vùng xa, vùng sâu, vùng khó khăn; Có 26,32% GV tin rằng

điều chỉnh hệ thống câu hỏi tìm hiểu bài và xây dựng hệ thống các câu hỏi phù hợp với khả năng nhận thức của HS là biện pháp can thiệp có tính khả thi; Có 31,58% GV đồng ý với việc tăng cường sử dụng hình ảnh trực quan để giải nghĩa từ hay các chi tiết khó.

Qua dự giờ các tiết học Tập đọc, chúng tôi nhận thấy đa số GV chọn cách giải nghĩa từ bằng lời, gắn với những chủ thích có sẵn ở SGK mà chưa sử dụng các hình ảnh trực quan sinh động, trong khi đây chính là một cách thức có khả năng khơi gợi hứng thú của HS khi tiếp cận nghĩa của từ. Các phương pháp hỗ trợ giải nghĩa từ, chi tiết, hình ảnh cũng không được vận dụng linh hoạt, uyển chuyển.

### 2.3.2. Năng lực tiếp nhận thông tin của HS lớp 2 trong hoạt động ĐH

Qua quan sát giờ dạy, chúng tôi nhận thấy trong suốt buổi học, HS học khá tập trung nhưng hầu như không phát biểu bài và do vậy, rất khó để đo được mức độ hiểu của các em. Vì HS ít có sự tương tác trong giờ học nên trong các bản mô tả giờ học đầu tiên, chúng tôi không thể đưa ra kết luận chính xác. Tuy nhiên, ở các giờ học sau, khi được GV khích lệ, động viên kết hợp với việc sử dụng những “gói” câu hỏi nhỏ, gợi dẫn, HS đã tích cực hơn, tham gia giải quyết nhiệm vụ học tập một cách hăng hái hơn dù chất lượng chưa đồng đều.

NL tiếp nhận thông tin có phần hạn chế của HS còn thể hiện khi GV sử dụng thao tác giảng giải, chốt ý, đa số HS không khái quát được nội dung, trả lời từng thông tin được GV phân tích. Do hạn chế về khả năng ghi nhớ nên HS gặp khó khăn khi tiếp nhận các chi tiết, ý hay nội dung chính của bài đọc. NL diễn đạt của HS còn thấp, lúng túng, rời rạc; một số HS hiểu ý nhưng không biết cách dùng từ để diễn đạt câu trả lời sao cho ngắn gọn, logic và đúng trọng tâm. Chúng tôi cũng đã thực hiện “phỏng vấn sâu” với một số HS về nội dung ĐH bằng cách chia nhỏ câu hỏi trong SGK và tăng cường dần mức độ khó của câu hỏi để giúp HS hiểu hơn về bài đọc. Chúng tôi nhận thấy khi phân tách câu hỏi, đa số HS trả lời được. Việc gia tăng dần độ khó cũng phần nào tạo động lực cho HS, khiến các em phấn khích hơn, dù mức độ hoàn thành đối với các câu khó chỉ đạt hơn 60%. Một số em trả lời tương đối tốt, một số trả lời thiếu ý nhưng ít nhất các em hiểu được câu hỏi và định hướng cho câu trả lời của mình.

## 2.4. Hệ thống bài tập ĐH

### 2.4.1. Bài tập nhận diện, tái hiện

a. Bài tập giúp HS nhận diện câu, đoạn quan trọng

(1) Gạch dưới câu văn cho thấy trong ngày khai trường bạn nhỏ rất háo hức được đến trường.

“Chớp mắt một cái, kì nghỉ hè đã kết thúc. Một sáng mùa thu đẹp trời, tôi dậy sớm, xếp những cuốn sách xinh xinh vào cặp rồi tới trường.”

(Niềm vui ngày khai trường, Theo Vichia Maleev ở nhà và ở trường, Nikolay Nosov, NXB Kim Đồng, 2015)

(2) Hãy tìm câu thơ nêu đặc điểm chiếc áo mà người chị để lại cho em.

“Áo chị, mẹ mua  
Bây giờ em mặc  
Hai bên hàng cúc  
Có đôi thỏ đùa.”.

Dựa vào bài “Để lại cho em” - Tiếng Việt 2

(3) Ghi lại câu văn cho biết cây xấu hổ rất mong con chim xanh quay trở lại.

.....

Dựa vào bài “Cây xấu hổ” - Tiếng Việt 2.

b. Bài tập giúp HS phát hiện từ ngữ, chi tiết quan trọng

(1) Những từ nào miêu tả tiếng chim trong vườn?

- A. lách chích
- B. quay tít
- C. riu rít

Dựa vào bài “Tiếng vườn” - Tiếng Việt 2.

(2) Ở khổ thơ 1, đồng lúa chín được so sánh với hình ảnh nào?

hương lúa thoang thoang bay  
một biển vàng như tơ kén  
đàn ri đá say sưa

Dựa vào bài “Mùa lúa chín” - Tiếng Việt 2.

(3) Trong bài đọc *Chim sơn ca và bông cúc trắng*, câu văn nào cho biết sơn ca rất thương bông cúc trắng?

- A. Con chim bị cầm tù, họng khô bông vì khát.
- B. Nhưng dù khát, nó vẫn không đụng đến bông hoa.

C. Tối rồi, chẳng ai cho con chim khốn khổ một giọt nước.

### 2.4.2. Bài tập rõ nghĩa

a. Bài tập rõ nghĩa của câu, làm rõ ý đoạn

(1) Em hãy đọc bốn câu thơ sau:

“Những ngày chị qua  
Bây giờ em tới  
Con ho, con sởi  
Những ngày lên năm”.

Bốn câu thơ cho em biết tình cảm gì của chị với em mỗi lần thấy em ốm?

- A. Đau lòng, buồn bã.

B. Buồn bã, giận cơn ho, cơn sỏi.

C. Cảm thông, yêu thương em.

Dựa vào bài “*Để lại cho em*”- Tiếng Việt 2.

(2) Bốn dòng thơ cuối bài thơ Mùa lúa chín diễn tả điều gì?

A. Bạn nhỏ rất vui khi đi giữa cánh đồng lúa chín.

B. Bạn nhỏ nghe được đồng lúa hát.

C. Bạn nhỏ hát vang giữa cánh đồng lúa chín.

Dựa vào bài “*Mùa lúa chín*” - Tiếng Việt 2.

(3) Nối tranh và các câu thơ sau cho phù hợp

	Bê vàng đi tìm cỏ
	Một năm, trời hạn hán
	Tự xa xưa thuở nào Trong rừng xanh sâu thẳm
	Dê trắng thương bạn quá Chạy khắp nẻo tìm bê

Dựa vào bài “*Gọi bạn*”- Tiếng Việt 2.

b. Bài tập tìm ý của bài

(1) Hoàn thành câu giới thiệu về một loài chim.

Chim (1) ....., đôi mắt (2) ....., mặt giống (3) ....., nhấp nhem buồn ngủ.

Dựa vào bài “*Về chim*”- Tiếng Việt 2.

(2) Câu chuyện “*Tớ nhớ cậu*” có gì cảm động?

Chọn đáp án đúng.

A. Kiến và Sóc phải xa nhau nhưng luôn nhớ về nhau.

B. Kiến và Sóc biết dùng thư để chuyện trò với nhau.

C. Kiến và Sóc đều cố gắng viết chữ đẹp.

Dựa vào bài “*Tớ nhớ cậu*”- Tiếng Việt 2.

(3) Em đặt tên khác nào cho bài đọc *Chim én*?.....

A. Sứ giả của mùa xuân

B. Sức sống của mùa xuân

C. Hình ảnh của mùa xuân

Dựa vào bài “*Chim én*”- Tiếng Việt 2.

2.4.3. Bài tập hỏi đáp

(1) Điền tiếp để hoàn thành lời giải thích

Bài thơ có tên là Em mang về yêu thương vì.....

Dựa vào bài “*Em mang về yêu thương*”- Tiếng Việt 2.

(2) Điền từ ngữ vào chỗ trống

Em rất thích hình ảnh “*Ngọn tre cong gọng vó/ Kéo mặt trời lên cao*”. Hình ảnh thơ giúp em tưởng tượng rất rõ hình ảnh ..... cong như ..... đang in bóng trên ....., như đang ..... lên cao.

Dựa vào bài “*Lũy tre?*”- Tiếng Việt 2.

(3) Dưới đây là lời chia sẻ của bạn Mai Anh về hai câu thơ mà bạn thích nhất: *Quanh đôi chân mẹ; Một rừng chân con*. Em hãy chọn từ ngữ phù hợp với mỗi chỗ trống trong lời chia sẻ của bạn.

Từ ngữ: vui chơi, hạnh phúc, che chở

“Đọc hai câu thơ trên, em tưởng tượng gà mẹ là một cây to vững chãi, còn các con là những cây xanh đông đúc như rừng nép dưới tán lá của mẹ. Gà mẹ

(1)... cho các con, còn các con (2)... bên mẹ. Gia đình nhà gà thật (3)...”.

### 3. Kết luận

Dạy học ĐH cho HS nói chung và HS lớp 2 nói riêng cần thực hiện một hệ thống các kỹ năng ĐH để trang bị cho các em vốn liếng chung khi tiếp xúc với các VB và cần hiểu chúng. Hệ thống bài tập tiếng Việt là một trong những thâm nhập sâu hơn vào vùng ĐH của HS, là cơ hội để HS trải nghiệm. Việc ứng dụng và tổ chức bài tập trong giờ tiếng Việt góp phần đưa những thiết kế vào nhà trường tiểu học, đảm bảo cho các bài tập mang tính ứng dụng, phù hợp với nhận thức của HS lớp 2 ở các trường tiểu học miền núi, vùng sâu, vùng xa, hình thành và phát triển năng lực sử dụng ngôn ngữ của HS.

### Tài liệu tham khảo

[1] Nguyễn Thị Hạnh (2002), *Dạy học ĐH ở tiểu học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

[2] Bùi Mạnh Hùng (2021), *Tiếng Việt lớp 2* (tập 1,2), Sách giáo khoa Kết nối tri thức với cuộc sống, NXB Giáo dục Việt Nam.

[3] Đỗ Ngọc Thống (chủ biên), Đỗ Xuân Thảo, Phan Thị Hồ Điệp, Lê Phương Nga (2018). *Dạy học phát triển năng lực môn Tiếng Việt tiểu học*. NXB Đại học Sư phạm.

[4] Lê Phương Nga, Lê Thị Mai An, Nguyễn Thị Dung, Trần Thị Kim Hoa, (2021), *Bài tập tiếng Việt cơ bản và nâng cao theo Chương trình Giáo dục phổ thông năm 2018*, (tập 1,2), NXB Giáo dục Việt Nam.